

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp và lắp đặt vật tư theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư và lắp đặt cho khu Siêu âm tại lầu 1 khu A và phòng theo dõi bệnh Khoa Phẫu thuật tim mạch tại lầu 2 khu B.
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện gói thầu: 3 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM, 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP HCM.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 6 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước giờ, ngày/...../2024.
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Quản trị tòa nhà, hầm 1, khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP HCM.

Người liên hệ: Võ Thanh Bình Số điện thoại: 0903166170

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, QTTN (J09-102-dttt) (01).

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ TÒA NHÀ

Nguyễn Anh Tuấn



PHỤ LỤC 1. PHẠM VI CUNG CẤP
(Đính kèm Công văn số/BVĐHYD-QTTN ngày tháng năm 2024)

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Khung inox vách kính 10mm	Chi tiết theo Phụ lục 2	m ²	43
2.	Cửa kính mở 1 cánh		bộ	1
3.	Cửa nhôm kính		bộ	1
4.	Cửa sổ nhôm kính		bộ	1
5.	Khung nhôm vách kính		m ²	2,3
6.	Vách kính		m ²	12
7.	Ô kính		m ²	1
8.	Trần thạch cao khung nổi		m ²	7
9.	Tấm Prima		m ²	13
10.	Màn che giường bệnh		m ²	24
11.	Sơn nước trong nhà		m ²	76
12.	Sàn nhựa dán keo		m ²	7
13.	Len chân tường nhựa		m	10
14.	Decal		m ²	90
15.	Thiết bị mở cửa bằng vân tay		bộ	1
16.	Khóa từ		bộ	1
17.	Nút nhấn exit đi ra		bộ	1
18.	Cáp CV 2.5 mm ²		m	181
19.	Cáp CV 4.0 mm ²		m	374
20.	Ống luồn dây điện cứng ϕ 20		cây	63
21.	Ống luồn dây điện cứng ϕ 25		cây	6
22.	Ống luồn dây điện cứng ϕ 32		cây	1
23.	Ống luồn dây mềm ϕ 20		cuộn	2
24.	Bộ ổ cắm đôi 3 chấu		bộ	9

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
25.	Bộ ổ cắm điện 4 lỗ cắm		bộ	6
26.	Cáp VCTF 3Cx1.5 mm ²		m	10
27.	Phích cắm 3 chấu		cái	4
28.	Bộ công tắc đơn 1 chiều		bộ	1
29.	Bộ công tắc đôi 1 chiều		bộ	3
30.	Bộ đèn LED panel 600x600 mm		bộ	5
31.	Bộ đèn LED 3 W ϕ 110		bộ	3
32.	Bộ đèn để bàn 4.5 W		bộ	3
33.	Dây mạng CAT 6		m	273
34.	Bộ ổ cắm Data CAT 6		bộ	9
35.	Bộ ổ cắm điện thoại		bộ	5
36.	Dây điện thoại		m	120
37.	Điện thoại để bàn		cái	5
38.	Dây báo cháy CXV/FR 1.5 mm ²		m	53
39.	Đầu báo khói địa chỉ kèm đế B501, kèm kiểm định		bộ	4
40.	Tủ điện 4 module		cái	1
41.	MCB 2P 20A		cái	2
42.	MCB 2P 25A		cái	1
43.	Rắc co ϕ 20, nối ống ϕ 20, kẹp ống ϕ 20		gói	1
44.	Rắc co ϕ 25, nối ống ϕ 25, kẹp ống ϕ 25		gói	1
45.	Máy lạnh treo tường 9.000 BTU		bộ	1
46.	Ống đồng dẫn ga D6/D10		m	8
47.	Ống đồng dẫn ga D6/D12		m	7
48.	Ống PPR D25		m	8
49.	Co PPR D25		cái	4

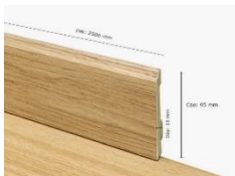
STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
50.	Co tê PPR D25		cái	1
51.	Ống PVC D27		m	4
52.	Co PVC D27		cái	6
53.	Co tê PVC D27		cái	2
54.	Ống gió mềm D250		m	10
55.	Giường khám (1800 x 600 x 600)mm		cái	3
56.	Bàn làm việc (650 x 550/320 x 750/450)mm		cái	2
57.	Bàn làm việc (650 x 550/400 x 750/450)mm		cái	1
58.	Tủ để máy in (400 x 400 x 500)mm		cái	2
59.	Kệ để giấy y tế (400 x 250 x 580)mm		cái	14
60.	Ghế (550x560x900/1020)mm		cái	3
61.	Ghế (540 x 530 x 1030/1150)mm		cái	3
62.	Bảng tên phòng 01 mặt (350 x 130)mm		cái	3
63.	Bảng tên nhân viên (270 x 50)mm		cái	6
64.	Đế để bảng tên nhân viên (270 x 125)mm		cái	3
65.	Vật tư phụ		gói	1
66.	Dịch vụ liên quan		gói	1

PHỤ LỤC 2. YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Đính kèm Công văn số/BVDHYD-QTTN ngày tháng năm 2024)

1. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
1.	Khung inox vách kính 10mm	– Khung inox mờ sọc ngẫu nhiên 40 x 80 x 1,2mm, được chấn rãnh ở giữa để giữ kính. – Kính cường lực 10mm	
2.	Cửa kính mở 1 cánh	– Kích thước rộng 900 mm x cao 2100 mm – Cánh cửa kính cường lực 10mm – Bản lề sàn có tải trọng 80kg. Chất liệu thân đúc sắt, vỏ bằng inox 304, màu hoàn thiện inox mờ, giữ cửa 90 độ. – Tay nắm cửa chữ C chất liệu inox 304, bóng mờ – Kẹp dưới và kẹp trên bằng inox 304	
3.	Cửa nhôm kính	– Kích thước 0.95 m x 2,1 m – Khung nhôm sơn tĩnh điện màu xám, hệ 55 dày 1,4mm – Kính cường lực 8mm, màu xanh – Tay nắm gạt màu xám ghi – Khóa cửa	
4.	Cửa sổ nhôm kính	– Kính thước: rộng 930 mm x cao 1700 mm – Khung nhôm sơn tĩnh điện màu xám, hệ 55 dày 1,4mm – Kính cường lực 8mm, màu xanh – Bản lề bật chữ A, tay nắm sơn tĩnh điện màu xám	
5.	Khung nhôm vách kính	– Khung nhôm sơn tĩnh điện màu xám, hệ 55 dày	

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
		1,4mm – Kính cường lực 8mm	
6.	Vách kính	– Vách kính cường lực mờ 5mm, nẹp gài nhôm trắng sơn tĩnh điện	
7.	Ô kính	– Vách kính 10 mm cường lực, nẹp gài nhôm trắng sơn tĩnh điện giữ kính	
8.	Trần thạch cao khung nổi	– Trần thạch cao khung nổi dày 9,5 mm, kích thước 600 x 600 mm, bề mặt chấm đen, khung xương sơn tĩnh điện màu trắng có rãnh ở giữa sơn màu đen	
9.	Tấm Prima	– Tấm Prima dày 6mm ốp vào kính và tường bê tông	
10.	Màn che giường bệnh	– Chiều cao màn che 1,85m – Thanh ray bằng nhôm đúc quy cách 25 x 20 mm, được tạo rãnh trượt cho ray màn – Lưới màn bằng sợi polyester được dệt chung với vải tạo độ thẩm mỹ cao – Màn vải chất liệu polyester 100% có chức năng kháng khuẩn và chống cháy, được thiết kế chuyên dùng trong bệnh viện – Có các phụ kiện đi kèm như ty treo, giá đỡ	
11.	Sơn nước trong nhà	– Sơn bán bóng trong nhà – Thành phần chính Acrylic – Định mức 5,5 - 6,5 m²/kg (2 lớp) – Độ phủ: ≥ 26,4 g/m² – Thời gian khô: 0,5h – Sơn mịn màng, không bong tróc, có khả năng chịu chùi rửa rất tốt	

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
		Sơn có độ phủ rất cao, khô nhanh, dễ thi công	
12.	Sàn nhựa dán keo	- Kích thước (dài x rộng): 184 x 950 mm - Độ dày tối thiểu: 3mm - Cấu tạo sản phẩm: 5 lớp - Lớp phủ bề mặt tối thiểu: 0,3 mm - Trọng lượng tối thiểu: 4,950 g/m² - Ổn định kích thước: $\leq 0,1\%$ - Màu vân gỗ	
13.	Len chân tường nhựa	- Chất liệu: Nhựa - Kích thước (dài x rộng x dày): 2.500 x 95 x 15 mm - Màu: Vân gỗ	
14.	Decal	Decal in kỹ thuật số để dán kính	
15.	Thiết bị mở cửa bằng vân tay	- Độ phân giải nhận dạng vân tay: $\geq 500\text{DPI}$ (Dots Per Inch) - Lấy mẫu vân tay: ISO 19794-2 / ANSI 378 - Cấu hình thiết bị: CPU $\geq 1\text{ GHz}$, $\geq 2\text{GB}$ Flash và $\geq 64\text{MB}$ Ram - Lưu trữ: ≥ 10.000 nhân viên và $\geq 1.000.000$ sự kiện - Sử dụng đa chức năng: Vân tay, thẻ, Vân tay + Thẻ - Chấp nhận loại thẻ: 13.56MHz MIFARE - Giao tiếp: Kết nối mạng lan - Tiếp điểm: Relay có dòng cực đại $\geq 2\text{A}$	

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
		– Giao diện: Đèn LED và âm thanh – Chứng nhận sản phẩm an toàn: CE (Conformité Européenne) hoặc RoHS (Restriction of Hazardous Substances) – Chứng nhận về tần số vô tuyến: FCC (Federal Communications Commission) – Nguồn điện sử dụng 12VDC – Dòng định mức: 600 mA – Đã bao gồm nguồn adapter 12 VDC phù hợp với thiết bị mở cửa (có bảo vệ quá dòng, ngắn mạch, quá áp)	
16.	Khóa từ	– Điện áp: 12VDC – Dòng định mức: 300 mA @ 12 VDC – Lực giữ: ≥ 280 Kg (600 lbs) – Đèn báo trạng thái: Có – Phù hợp cho các loại cửa: Gỗ, kim loại, kính – Chất liệu: Thân khóa hợp kim kẽm – Sản phẩm bao gồm các vật tư phụ dùng lắp khóa.	
17.	Nút nhấn Exit đi ra	– Điện áp định mức: 250VAC – Dòng điện định mức: 10A – Chức năng: Nút nhấn chuông (nhấn nhả)	
18.	Cáp CV 2.5 mm ²	– Tiết diện danh nghĩa: 2.5 mm² – Điện trở tối đa: 7.98 Ω/Km – Chiều dày cách điện: 0.76 mm – Đường kính tổng: 3.6 mm	

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
		– Khối lượng cáp: 3.1 kg/100 m	
19.	Cáp CV 4.0 mm ²	– Tiết diện danh nghĩa: 4.0 mm² – Điện trở tối đa: 4.95 Ω/Km – Chiều dày cách điện: 0.76 mm – Đường kính tổng: 4.1 mm – Khối lượng cáp: 4.7 kg/100 m	
20.	Ống luồn dây điện cứng φ20	– Chiều dài: 2.92 m – Đường kính: 20 mm – Độ dày: 1.9 mm ± 0.1 – Chất liệu: PVC – Lực nén: 1250 N – Màu sắc: trắng	
21.	Ống luồn dây điện cứng φ25	– Chiều dài: 2.92 m – Đường kính: 25 mm – Độ dày: 1.9 mm ± 0.1 – Chất liệu: PVC – Lực nén: 1250 N – Màu sắc: trắng	
22.	Ống luồn dây điện cứng φ32	– Chiều dài: 2.92 m – Đường kính: 32 mm – Độ dày: 1.9 mm ± 0.1 – Chất liệu: PVC – Lực nén: 1250 N – Màu sắc: trắng	
23.	Ống luồn dây mềm φ20	– Chiều dài: 40 m/cuộn – Đường kính: 25 mm – Chất liệu: PVC – Màu sắc: trắng	
24.	Bộ ổ cắm đôi 3 chấu	– Điện áp định mức: 250 VAC – Dòng điện định mức: 16 A – Chất liệu: nhựa Urea Resin, đồng	

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
		– Kiểu nối dây: cắm dây – Màu sắc: trắng – Màn che bảo vệ: có	
25.	Bộ ổ cắm điện 4 lỗ cắm	– Điện áp định mức: 250 VAC – Dòng điện định mức: 16 A – Chất liệu: nhựa Urea Resin, đồng – Kiểu nối dây: cắm dây – Màu sắc: trắng – Màn che bảo vệ: có	
26.	Cáp VCTF 3Cx1.5 mm ²	– Tiết diện danh nghĩa: 1.5 mm² – Điện trở tối đa: 13.3 Ω/Km – Chiều dày cách điện: 0.76 mm – Đường kính tổng: 3.1 mm – Khối lượng cáp: 11.87 kg/100 m	
27.	Phích cắm 3 chấu	– Điện áp định mức: 220 VAC – 250 VAC – Dòng điện định mức: ≥ 20 A – Nối đất: có	
28.	Bộ công tắc đơn 1 chiều	– Điện áp định mức: 250 VAC – Dòng điện định mức: 16 A – Chất liệu: nhựa Urea Resin, đồng – Màu sắc: trắng – Bật tắt: có ký hiệu	
29.	Bộ công tắc đôi 1 chiều	– Điện áp định mức: 250 VAC – Dòng điện định mức: 16 A – Chất liệu: nhựa Urea Resin, đồng – Màu sắc: trắng	

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
		– Bật tắt: có ký hiệu	
30.	Bộ đèn LED panel 600x600 mm	– Công suất 40 W – 45 W – Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K – Độ hoàn màu: ≥ 80 Ra – Hiệu suất: ≥ 110 lm/W – Quang thông: ≥ 4400 Lm – Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ – Chất liệu tản nhiệt hợp kim nhôm – Kích thước: (602 x 602 x 10 mm) ± 5	
31.	Bộ đèn LED 3 W $\phi 110$	– Công suất: 3 W – 4 W – Ánh sáng vàng: ≥ 4500 K – Hiệu suất phát sáng: ≥ 70 Lm/W – Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra – Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ – Kích thước lỗ khoét: $\phi 90$ mm ± 2 – Kích thước: ($\phi 110$ mm $\times$ 56 mm) ± 2	
32.	Bộ đèn để bàn 4.5 W	– Công suất: 4,5W - 5.5W – Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K – Quang thông: 150 Lm - 350 Lm – Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ – Kích thước của cần đèn: 28 cm ± 2; chiều cao: 29 cm ± 2	
33.	Dây mạng CAT 6	– Dây mạng CAT 6 – Độ dày lõi: 23 AWG, 4-cặp UTP – Màu sắc: xanh dương – Cuộn: 305 m	
34.	Bộ ổ cắm Data CAT 6	– Chức năng: ổ cắm mạng CAT6 – Chất liệu: nhựa Urea Resin, đồng – Màu sắc: trắng	

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
35.	Bộ ổ cắm điện thoại	– Chất liệu: nhựa Urea Resin, đồng – Màu sắc: trắng	
36.	Dây điện thoại	– Tiết diện danh nghĩa: $\geq 0.5 \text{ mm}^2$ – Cấu tạo: 2 đôi dây (4 sợi) – Hình dạng: dẹp	
37.	Điện thoại để bàn	– Kiểu điện thoại: cố định treo tường hoặc để bàn – Bộ nhớ chức năng: gọi lại số gần nhất. – Âm thanh: có nút chỉnh âm thanh – Chuông: có nút chỉnh to nhỏ – Màu sắc 2 màu: trắng hoặc đen	
38.	Dây bảo cháy CXV/FR 1.5 mm ²	– Tiết diện danh nghĩa: 1.5 mm² – Chiều dày cách điện danh định: $\geq 1.4 \text{ mm}$ – Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^\circ\text{C}$ – Đáp ứng các tiêu chuẩn: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1, TCVN 6612/ IEC 60228	
39.	Đầu báo khói địa chỉ kèm đế B501, kèm kiểm định	– Nhiệt độ làm việc: 0°C đến 50°C – Độ ẩm làm việc: 10% - 93% – Điện áp: 15 VDC - 32 VDC – Dòng điện ở chế độ chờ: $\leq 300 \mu\text{A}$ @ 24 VDC – Dòng điện cực đại: $\leq 6.5 \text{ mA}$ @ 24 VDC – Lắp được vào đế B501 – Hệ đầu báo địa chỉ – Tương thích với hệ thống Notifier by Honeywell	

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
40.	Tủ điện 4 module	– Kích thước: 221 x 244 x 98 mm – Số đường: 4 đường – Chất liệu: Kim loại – Loại: âm tường – Cấp độ chống va đập cơ khí: IK07 – Độ cách ly điện: Cấp 2	
41.	MCB 2P 20A	– Dòng điện định mức: 20A – Số cực: 2P – Số cực được bảo vệ: 2 cực – Bảo vệ: từ, nhiệt – Dòng cắt ngắn mạch: ≥ 6 kA – Điện áp cách điện định mức: 440VAC – Điện áp xung định mức: 4 KV – Số lần đóng cắt khi có điện: ≥ 10.000 lần – Đường cong đặt tính: C – Màu sắc: trắng	
42.	MCB 2P 25A	– Dòng điện định mức: 25A – Số cực: 2P – Số cực được bảo vệ: 2 cực – bảo vệ: từ, nhiệt – Dòng cắt ngắn mạch: ≥ 6 kA – Điện áp cách điện định mức: 440VAC – Điện áp xung định mức: 4 KV – Số lần đóng cắt khi có điện: ≥ 10.000 lần – Đường cong đặt tính: C – Màu sắc: trắng	
43.	Rắc co $\phi 20$, nối ống $\phi 20$, kẹp ống $\phi 20$	– Đường kính trong: 20 mm – Chất liệu: PVC – Màu sắc: Trắng	
44.	Rắc co $\phi 25$, nối ống $\phi 25$,	– Đường kính trong: 25 mm	

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
	kẹp ống $\phi 25$	– Chất liệu: PVC – Màu sắc: Trắng	
45.	Máy lạnh treo tường 9.000 BTU	– Công nghệ máy nén: Không inverter – Môi chất làm lạnh: R32 – Công suất: 9.000 BTU (1 Hp) – Điện áp: 220V/50Hz – Ống đồng dẫn ga D6 và D10: + Chiều dài: 8 m, dày 0,8 mm + Bao gồm cách nhiệt, simily và dây điện 2.5 mm² – Đường thoát nước ngưng gồm: + Ống nhựa PVC, D21: 10 m + Co nhựa PVC, D21: 04 cái + Lõi nhựa PVC, D21: 2 cái – Tê nhựa PVC, D21: 1 cái	
46.	Ống đồng dẫn ga D6/D10	– Chiều dài 8 m, dày 0,8 mm, cách nhiệt, simily	
47.	Ống đồng dẫn ga D6/D12	– Chiều dài 7 m, dày 0,8 mm, cách nhiệt, simily	
48.	Ống PVC D27	– Vật liệu: PVC – Kích thước: D27 – Áp lực làm việc PN: ≥ 15 bar	
49.	Co PVC D27	– Vật liệu: PVC – Kích thước: D27 – Áp lực làm việc PN: ≥ 10 bar	
50.	Co tê PVC D27	– Vật liệu: PVC – Kích thước: D27 – Áp lực làm việc PN: ≥ 10 bar	

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
51.	Ống PVC D27	– Vật liệu: PVC – Kích thước: D27 – Áp lực làm việc PN: ≥ 15 bar	
52.	Co PVC D27	– Vật liệu: PVC – Kích thước: D27 – Áp lực làm việc PN: ≥ 10 bar	
53.	Co tê PVC D27	– Vật liệu: PVC – Kích thước: D27 – Áp lực làm việc PN: ≥ 10 bar	
54.	Ống gió mềm D250	– Vật liệu: Mặt trong nhôm 4 lớp lò xo, lớp bông Polyestes cách nhiệt chống cháy dày ≥ 25 mm, lớp ngoài cùng được phủ 1 lớp giấy bạc tráng nhôm – Kích thước: D250 mm	
55.	Giường khám (1800 x 600 x 600)mm	– Gỗ công nghiệp MFC dày 18mm, 02 mặt phủ melamine màu vân gỗ – Các cạnh dán chỉ nhựa PVC cùng màu, cạnh thấy dán chỉ nhựa dày 1 mm, cạnh khuất dán chỉ nhựa độ dày 0.5 mm – Mặt giường bo 4 góc, có gờ chặn 2 cạnh cao 50 mm. – Có 02 cửa lùa chia thành 02 đợt ngăn và có 02 hộc kéo sử dụng tay nắm âm – Phụ kiện: bộ thanh ray cửa lùa, 04 ray kéo, 04 tay nắm âm – Nút chân tăng chỉnh, hỗ trợ cân bằng: nhựa dẻo đen, bao phủ bulong bằng thép – Kèm 01 tấm nệm mút D40 dày 100 mm, bọc simili màu xám nhạt, có kích thước (1700 x 600) mm	

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
56.	Bàn làm việc (650 x 550/320 x 750/450)mm	– Gỗ công nghiệp MFC dày 18mm, 02 mặt phủ melamine màu vân gỗ – Các cạnh dán chỉ nhựa PVC cùng màu, cạnh thấy dán chỉ nhựa dày 1 mm, cạnh khuất dán chỉ nhựa độ dày 0.5 mm – Mặt bàn bo 4 góc, khoét lỗ đi dây điện có nắp chụp – Có 01 ngăn kéo bàn phím, bửng lửng – Phụ kiện: 02 ray kéo – Nút chân tăng chỉnh, hỗ trợ cân bằng: nhựa dẻo đen, bao phủ bulong bằng thép – Kèm theo bọc đế CPU	
57.	Bàn làm việc (650 x 550/400 x 750/450)mm	– Gỗ công nghiệp MFC dày 18mm, 02 mặt phủ melamine màu vân gỗ. – Các cạnh dán chỉ nhựa PVC cùng màu, cạnh thấy dán chỉ nhựa dày 1mm, cạnh khuất dán chỉ nhựa độ dày 0.5mm. – Mặt bàn bo 4 góc, khoét lỗ đi dây điện có nắp chụp. – Có 01 ngăn kéo bàn phím, bửng lửng. - Phụ kiện: 02 ray kéo. – Nút chân tăng chỉnh, hỗ trợ cân bằng: nhựa dẻo đen, bao phủ bulong bằng thép. – Kèm theo bọc đế CPU.	
58.	Tủ để máy in (400 x 400 x 500)mm	– Gỗ công nghiệp MFC dày 18mm, 02 mặt phủ melamine màu vân gỗ – Các cạnh dán chỉ nhựa PVC cùng màu, cạnh thấy dán chỉ nhựa dày 1 mm, cạnh khuất dán chỉ nhựa độ dày 0.5 mm – Cánh cửa vát cạnh – Bên trong tủ chia thành 02	

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
		đợt ngăn – Phụ kiện: 02 bản lề – Nút chân tăng chỉnh, hỗ trợ cân bằng: nhựa dẻo đen, bao phủ bulong bằng thép	
59.	Kệ để giấy y tế (400 x 250 x 580)mm	– Thép không gỉ SUS 304 dày $\geq 1,5$ mm. Các góc được bo tròn, gấp mép các cạnh – Thanh chống rơi đồ bằng cây tròn đặc, đường kính 8mm – Bàn để giấy (400 x 250 x 30) mm, gấp cạnh – Thanh đỡ bàn bằng thanh C (80 + 30 + 20) dài 300 mm Cây chống tròn đường kính 32 mm dày $\geq 1,5$ mm – Chân bàn mỗi cánh dài 220 mm có nút chân tăng chỉnh	
60.	Ghế (550x560x900/1020)mm	– Ghế đệm xoay có lưng tựa, không tay vịn – Đệm ngồi và tựa lưng bằng mút bọc simili màu đen – Chân ghế xoay 5 cánh bằng nhựa đúc màu đen có bánh xe – Có cần hơi điều chỉnh độ cao của ghế	
61.	Ghế (540 x 530 x 1030/1150)mm	– Đệm ngồi và tựa lưng bằng mút bọc simili màu đen – Chân ghế xoay 5 cánh bằng nhựa đúc màu đen có bánh xe – Có chỗ để chân bằng sắt xi mạ – Có cần hơi điều chỉnh độ cao của ghế	
62.	Bảng tên phòng 01 mặt (350 x 130)mm	– Đế mica trong dày 10 mm mài bóng cạnh, sơn PU màu bạc tất cả các cạnh. – Mặt mica trong dày 3 mm	

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
		mài bóng cạnh sơn PU màu nâu tất cả các cạnh. – Nội dung dán decal trắng in kỹ thuật số, cán mờ. – Lắp đặt đế bạc lên tường bằng 2 vít có tắc kê phù hợp. Sau đó dán keo cường lực 2 mặt Mặt mica nâu lên trên. Hoặc dán keo cường lực 2 mặt cả bảng lên tường hiện hữu (tùy vị trí lắp đặt).	
63.	Bảng tên nhân viên (270 x 50)mm	– Mica trong dày 3 mm mài bóng cạnh, sơn PU màu nâu tất cả các cạnh. – Mặt sau phay lỗ đặt âm nam châm tròn đường kính 18mm, dán lớp decal bảo vệ nam châm không bị rơi ra. – Mặt trước cắt dán decal trắng.	
64.	Đế đế bảng tên nhân viên (270 x 125)mm	– Bảng mica trong dày 5 mm mài bóng cạnh, sơn PU màu bạc tất cả các cạnh. – Gờ chặn mica trong dày 5mm mài bóng cạnh, sơn PU màu bạc tất cả các cạnh. – Mặt trước phay lỗ đặt âm vòng đệm bằng sắt mạ kẽm, có đường kính ngoài 20 mm, dày 1 mm. – Lắp đặt đế bạc lên tường bằng 2 vít có tắc kê phù hợp hoặc dán keo 2 mặt cường lực lên tường (tùy vị trí lắp đặt).	
65.	Vật tư phụ	Bao gồm: – Vành đai bằng thép mạ kẽm (cùm) có lớp đệm cao su ≥ 2.0 mm – Cùm $\phi 27$, ty treo $\phi 10$, giá đỡ, tắc kê đạn, băng keo điện, vít...	

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
		– Các vật tư khác cần thiết sử dụng cho việc hoàn thiện	
66.	Dịch vụ liên quan	– Nhà thầu phải thực hiện lắp đặt hoàn thiện tất cả hàng hóa đã cung cấp trên theo bản vẽ đính kèm – Di dời máy lạnh hiện có sang vị trí khác theo bản vẽ đính kèm – Vận chuyển xà bần ra khỏi Bệnh viện – Thực hiện việc vệ sinh tổng thể bàn giao đưa vào sử dụng	

Yêu cầu khác

- Hàng hóa mới 100%.
- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu.
- Thực hiện công việc lắp đặt theo bản vẽ đính kèm.
- Giao hàng trong vòng 5 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Kiểm tra hàng hóa:
 - + Tại thời điểm giao hàng, nhà thầu phải cung cấp tính hợp lệ của hàng hóa như giấy chứng nhận xuất xứ, chất lượng....
 - + Kiểm tra tình trạng bên ngoài: Hàng hóa mới 100%, đóng gói đúng quy cách, hàng hóa còn nguyên vẹn, không bị cong vênh trầy xước, ẩm mốc
 - + Kiểm tra số lượng, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu E-HSMT.
- Yêu cầu đối với các hàng hóa từ STT 55-63
 - + Màu sắc theo sự lựa chọn của Bệnh viện.
 - + Đối với gỗ công nghiệp, lõi gỗ đạt: Dung sai độ dày gỗ $\pm 0,3\text{mm}$; độ ẩm $\leq 5\%$; tỷ trọng $\geq 650\text{ kg/m}^3$; lõi gỗ đạt chuẩn E1.
 - + Đối với phụ kiện:
 - Tay nắm bằng nhôm mạ bạc;
 - Ray kéo: ray bi 3 tầng bằng thép mạ kẽm, chiều dài lắp đặt 350mm, tải trọng từ 30kg trở lên, có tích hợp giảm chấn;
 - Bản lề: bản lề âm lắp cửa tràm ngoài, tràm nửa hoặc lọt lòng tùy thiết kế cánh tủ. Đóng giảm chấn. Chén bản lề sâu 10 đến 12mm. Tay và chén bản lề bằng thép, độ mở 110 độ. Khả năng điều chỉnh mặt bên $\pm 3\text{mm}$, điều chỉnh chiều cao $\pm 2\text{mm}$;

- Ổ khóa đơn: khóa vuông then gài cố định, bằng hợp kim kẽm, màu chrome bóng, chìa gấp. Kích thước 39 x 40mm. Đường kính trụ lõi 19-20mm.
- Tất cả hàng hóa phải được lắp đặt trong vòng 20 ngày kể từ ngày giao hàng.
- Thực hiện che chắn khu vực thi công: Nhà thầu phải hàn khung sắt chắc chắn, sau đó che bạt dày để tránh bụi bay ra ngoài và bố trí 01 cửa tạm để ra vào khu vực thi công.
- Ống nhựa cứng luồn dây điện, dây mạng, dây điện thoại, ổ cắm được lắp âm tường.
- Việc thi công phải được thực hiện theo sự sắp xếp của nhân viên Bệnh viện, có thể thực hiện ngoài giờ hành chính và các ngày nghỉ.
- Nhà thầu phải xác nhận hiện trạng xung quanh, nếu trong quá trình thực hiện nhà thầu làm hư hỏng tài sản của Bệnh viện thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm khắc phục và mọi chi phí liên quan.
- Nhân sự của nhà thầu không được đi ra bên ngoài khu vực thi công khi không được sự cho phép của người có trách nhiệm.
- Nhân sự thực hiện công việc phải được trang bị đầy đủ dụng cụ và bảo hộ lao động.
- Nhà thầu phải thực hiện việc vệ sinh tổng thể bàn giao đưa vào sử dụng.
- Nhà thầu phải có mặt trong vòng 3 giờ sau khi nhận được thông báo của Bệnh viện để khắc phục sự cố.
- Nhà thầu phải chấp hành nghiêm tất cả các yêu cầu về an ninh, quy định của Bệnh viện, giữ trật tự, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy trong quá trình thi công và không được hút thuốc bên trong Bệnh viện. Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm trong bất cứ sự cố, tai nạn nào liên quan đến quá trình thi công và chịu mọi mức phạt theo quy định hiện hành.
- Tác phong làm việc lịch sự, hòa nhã; nhân viên phải có đồng phục, giày dép, bảng tên, bảo hộ lao động và tuân thủ mọi hướng dẫn của nhân viên Bệnh viện. Nếu vi phạm, nhân sự đó phải lập tức rời khỏi Bệnh viện và không được tiếp tục công việc tại Bệnh viện.

CÔNG TY:
ĐỊA CHỈ:
SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Theo thư mời chào giá số/BVĐHYD-QTTN của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	Danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa	Mã hàng	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(10)*(9)
1.	Khung inox vách kính 10mm						m ²	43		
2.	Cửa kính mở 1 cánh						bộ	1		
3.	Cửa nhôm kính						bộ	1		
4.	Cửa sổ nhôm kính						bộ	1		
5.	Khung nhôm vách kính						m ²	2,3		
6.	Vách kính						m ²	12		
7.	Ô kính						m ²	1		
8.	Trần thạch cao khung nổi						m ²	7		
9.	Tấm Prima						m ²	13		
10.	Màn che giường bệnh						m ²	24		
11.	Sơn nước trong nhà						m ²	76		
12.	Sàn nhựa dán keo						m ²	7		



STT	Danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa	Mã hàng	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
13.	Len chân tường nhựa						m	10		
14.	Decal						m ²	90		
15.	Thiết bị mở cửa bằng vân tay						bộ	1		
16.	Khóa từ						bộ	1		
17.	Nút nhấn exit đi ra						bộ	1		
18.	Cáp CV 2.5 mm ²						m	141		
19.	Cáp CV 4.0 mm ²						m	374		
20.	Ống luồn dây điện cứng $\phi 20$						cây	63		
21.	Ống luồn dây điện cứng $\phi 25$						cây	6		
22.	Ống luồn dây điện cứng $\phi 32$						cây	1		
23.	Ống luồn dây mềm $\phi 20$						cuộn	2		
24.	Bộ ổ cắm đôi 3 chấu						bộ	9		
25.	Bộ ổ cắm điện 4 lỗ cắm						bộ	6		
26.	Cáp VCTF 3Cx1.5 mm ²						m	10		
27.	Phích cắm 3 chấu						cái	4		
28.	Bộ công tắc đơn 1 chiều						bộ	1		
29.	Bộ công tắc đôi 1 chiều						bộ	3		
30.	Bộ đèn LED panel						bộ	5		

STT	Danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa	Mã hàng	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
	600x600 mm									
31.	Bộ đèn LED 3 W ϕ 110						bộ	3		
32.	Bộ đèn để bàn 4.5 W						bộ	3		
33.	Dây mạng CAT 6						m	273		
34.	Bộ ổ cắm Data CAT 6						bộ	9		
35.	Bộ ổ cắm điện thoại						bộ	5		
36.	Dây điện thoại						m	120		
37.	Điện thoại để bàn						cái	5		
38.	Dây báo cháy CXV/FR 1.5 mm ²						m	53		
39.	Đầu báo khói địa chỉ kèm đế B501, kèm kiểm định						bộ	4		
40.	Tủ điện 4 module						cái	1		
41.	MCB 2P 20A						cái	2		
42.	MCB 2P 25A						cái	1		
43.	Rắc co ϕ 20, nối ống ϕ 20, kẹp ống ϕ 20						gói	1		
44.	Rắc co ϕ 25, nối ống ϕ 25, kẹp ống ϕ 25						gói	1		
45.	Máy lạnh treo tường 9.000 BTU						bộ	1		

STT	Danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa	Mã hàng	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
46.	Ống đồng dẫn ga D6/D10						m	8		
47.	Ống đồng dẫn ga D6/D12						m	7		
48.	Ống PPR D25						m	8		
49.	Co PPR D25						cái	4		
50.	Co tê PPR D25						cái	1		
51.	Ống PVC D27						m	4		
52.	Co PVC D27						cái	6		
53.	Co tê PVC D27						cái	2		
54.	Ống gió mềm D250						m	10		
55.	Giường khám (1800 x 600 x 600)mm						cái	3		
56.	Bàn làm việc (650 x 550/320 x 750/450)mm						cái	2		
57.	Bàn làm việc (650 x 550/400 x 750/450)mm						cái	1		
58.	Tủ để máy in (400 x 400 x 500)mm						cái	2		
59.	Kệ để giấy y tế (400 x 250 x 580)mm						cái	14		

STT	Danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa	Mã hàng	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
60.	Ghế (550x560x900/1020)mm						cái	3		
61.	Ghế (540 x 530 x 1030/1150)mm						cái	3		
62.	Bảng tên phòng 01 mặt (350 x 130)mm						cái	3		
63.	Bảng tên nhân viên (270 x 50)mm						cái	6		
64.	Đế để bảng tên nhân viên (270 x 125)mm						cái	3		
65.	Vật tư phụ						gói	1		
66.	Dịch vụ liên quan						gói	1		
Tổng cộng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và các chi phí liên quan khác										

- Đáp ứng tất cả các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu khác của Bệnh viện theo thư mời chào giá.
- Báo giá này có hiệu lực từ ngày / / 2024 đến ngày / /2024.

Ngày ... thángnăm 2024

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT